

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2022

V/v: “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Đức

Bà Võ Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 75 ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Oanh K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

(Nguyên đơn chị K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn anh M vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2022 nguyên đơn chị Trần Oanh K trình bày:*

Chị và anh M cưới nhau vào năm 2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Ba Tri vào ngày 17/4/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh M có quan hệ tình cảm với người khác, còn chơi bời, không lo làm ăn, chị đã

khuyến bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi nên làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh M.

Về con chung: trong thời gian chung sống chị và anh M có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/6/2006, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/8/2017 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/8/2017, hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin nuôi con chung, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022 bị đơn anh Nguyễn Hoàng M trình bày: anh và chị K cưới nhau đã gần 20 năm, cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoản thời gian gần đây thì anh có đi chơi bời bên ngoài với bạn bè ít về nhà nên chị K giận, chị K có kêu về nhưng anh không có về, sau này anh quay về thì nay chị K nộp đơn xin ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng anh chung sống có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/6/2006, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/8/2017 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/8/2017, các con đang sống với chung với chị K. Anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị K cương quyết ly hôn và Tòa án xử cho ly hôn thì anh xin nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung đều không có.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung cháu Nguyễn Thanh T ngày 24/5/2022 cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Trần Oanh K

*\*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh M. Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/6/2006, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/8/2017 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/8/2017. Khi ly hôn chị K yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, con chung Thanh T yêu cầu được tiếp tục sống với chị K, còn 02 con

chung Thanh H và Thanh T1 cũng đang do chị K nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống với chị K nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị K. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục:* tại phiên toà, nguyên đơn Trần Oanh K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn Nguyễn Hoàng M đã được Tòa án thông báo nhiều lần tham dự phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về hôn nhân: chị Trần Oanh K và anh Nguyễn Hoàng M cưới nhau vào năm 2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Ba Tri vào ngày 17/4/2006. Do đó, hôn nhân của chị K và anh M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, do anh M thường bỏ nhà đi chơi bên ngoài với bạn bè, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không chăm lo con cái nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, suốt thời gian dài thì hai bên cũng không thể hòa giải hàn gắn được. Nay chị K xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh M, anh M cũng thừa nhận anh có lỗi tại anh không lo làm ăn, không lo cho vợ con dẫn đến chị K nộp đơn xin ly hôn với anh nhưng anh lại cho rằng anh còn thương chị K nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không có thiện chí hàn gắn luôn vắng mặt trong quá trình Tòa mời giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị K và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.2] Về con chung: trong thời gian chung sống chị K và anh M có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/6/2006, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/8/2017 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/8/2017, hiện 03 con chung đang do chị K nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị K xin nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 24/5/2022 con chung Nguyễn Thanh T có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị K, còn 02 con chung Thanh H và Thanh T1 thì còn nhỏ cũng đang do chị K nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống với chị K nên xét yêu cầu nuôi con chung của chị K là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: không có

[2.4] Về nợ chung: không có.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Ba Tri là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị K phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Oanh K đối với anh Nguyễn Hoàng M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/6/2006, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/8/2017 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/8/2017 cho chị Trần Oanh K được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị K tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung : Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5 . Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị K phải nộp. Chị K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003949 ngày 11/ 3 /2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân chị K đã nộp xong

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

**Đặng Mộng Tuyên**